

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày: 16/6/2020.

V/v: “*ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thông Phi.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Lê Anh T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn 9, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị Trần Thị Thuận M, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn 3, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - anh Lê Anh T yêu cầu:*

Anh T và chị Trần Thị Thuận M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, theo giấy chứng nhận số 65 ngày 29/10/2018. Hiện nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị M vì hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Nguyên nhân do trong thời gian chung sống giữa anh và chị M xảy ra xung đột, cãi vã không tự hòa giải được. Hiện nay anh và chị M đã sống ly thân, không còn quan tâm chia sẻ tình cảm với nhau trong cuộc sống. Trong thời gian chung sống

cũng như hiện nay anh và chị M không có con chung. Khi ly hôn anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn anh Lê Anh T giao nộp gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân photo của anh Lê Minh T.

*Bị đơn - chị Trần Thị Thuận M có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Chị M và anh Lê Anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn lập nghiệp. Trong thời gian chung sống hai bên có xảy ra mâu thuẫn, do anh T chơi bời cờ bạc cá độ, ảnh hưởng đến cuộc sống chung, nên hai bên thường xuyên cãi vã. Sống với nhau được khoảng 2-3 tháng thì sống ly thân; mỗi người sống một nơi và không còn có sự quan tâm tới nhau. Nay anh T làm đơn xin ly hôn thì chị M đồng ý. Trong thời gian chung sống chị M và anh T không có con chung, khi ly hôn chị M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn chị Trần Thị Thuận M không giao nộp tài liệu chứng cứ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị giải quyết cho anh Lê Anh T được ly hôn với chị Trần Thị Thuận M.

+ Về án phí: Anh Lê Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Anh T và bị đơn chị Trần Thị Thuận M vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của anh Lê Anh T và chị Trần Thị Thuận M có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng về thái độ, cách cư xử trong gia đình, bản thân anh T và chị M đều xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với nhau và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và xét xử vắng mặt.

Qua xác minh tình trạng hôn giữa anh T và chị M tại địa phương xã H thấy rằng: sau khi kết hôn anh T và chị M chung sống với nhau hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn không tự hàn gắn được nên anh chị tự sống ly thân với nhau cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nên cả hai đều mong muốn giải quyết ly hôn.

Điều này thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc, hòa thuận phải được xây dựng từ cả hai phía, trong khi đó bản thân anh T và chị M đều không còn tình cảm, không mong muốn được đoàn tụ chung sống với nhau, nên cần giải quyết cho anh T được ly hôn với chị M theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Không có nên không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xét đến.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Anh T.

1. *Về hôn nhân*: Anh Lê Anh T được ly hôn với chị Trần Thị Thuận M.

2. *Về án phí*: Anh Lê Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0027270, ngày 13/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã H;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Mạnh Trí**